

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6
(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Viết vào tờ giấy thi đáp án đúng mà em chọn (Ví dụ: Câu 1 nếu chọn A là đúng thì viết **Câu 1: A**).

Câu 1. Số đối của số thập phân 20,26 là

- A. 26,20. B. $\frac{1}{20,26}$. C. -20,26. D. $-\frac{1}{20,26}$.

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số nào **không** bằng với phân số $\frac{-2}{9}$?

- A. $\frac{-6}{27}$. B. $\frac{-4}{19}$. C. $\frac{-10}{45}$. D. $\frac{2}{-9}$.

Câu 3. Thực hiện phép tính $\frac{3}{4} + \frac{-2}{3} + \frac{1}{6}$ ta được kết quả là

- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{1}{3}$. C. $\frac{19}{12}$. D. $\frac{-1}{4}$.

Câu 4. 20% của 120 kg là:

- A. 20 kg B. 21kg C. 22kg D. 24kg

Câu 5. Cho bảng số liệu thống kê về phương tiện đến trường của một lớp 6 như sau:

Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe đạp điện	Phương tiện khác
Số lượng học sinh	8	14	6	12

Lớp 6 đó có bao nhiêu bạn đến trường bằng xe đạp và xe đạp điện?

- A. 14. B. 6. C. 40. D. 20.

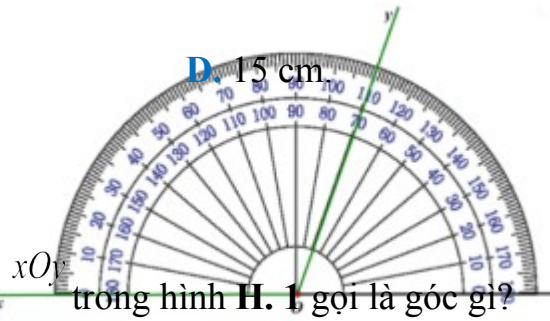
Câu 6. Cho A nằm giữa B và C, biết $AB = 3\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$. Khi đó độ dài đoạn thẳng BC bằng

- A. 4 cm. B. 8 cm. C. 2 cm. D. 15 cm.

Câu 7. Góc xOy trong hình H. 1 có số đo bằng

- A.  B. 90° .
C. 110° . D. 180° .

Câu 8. Góc xOy trong hình H. 1 gọi là góc gì? H.



A. Góc tù.

B. Góc bẹt.

C. Góc nhọn.

D. Góc vuông.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)**Câu 1 (1,0 điểm)** . Thực hiện các phép tính sau (*tính hợp lý nếu có thể*) .

a) $-\frac{3}{4} + 2025 + 0,75.$

b) $60\% + \frac{7}{5} : \left(\frac{3}{2} + \frac{3}{5}\right)$

Câu 2 (1,0 điểm) . Tìm x , biết

a) $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} : x = \frac{1}{3}.$

b) $\frac{1}{4} - \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = -2.$

Câu 3 (1,0 điểm) . Bảng thống kê dưới đây thể hiện kết quả xếp loại học lực cuối năm của học sinh lớp 6A thuộc một trường THCS.

Học lực	Giỏi	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	14	15	6	0

a) Số học sinh giỏi nhiều hơn số học sinh đạt bao nhiêu em?

b) Số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số học sinh cả lớp?

Câu 4 (1,0 điểm) . Cô Huyền muốn mua Xoài để làm sinh tố. Cô tìm được hai cửa hàng bán Xoài đều có cùng mức giá là 25 000 đồng một *ki-lo-gam*, nhưng mỗi cửa hàng lại có chương trình khuyến mại khác nhau:- **Cửa hàng A:** khuyến mại giảm giá 10% trên tổng số tiền mua hàng.- **Cửa hàng B:** khuyến mại khi mua theo túi: mỗi túi 5kg, giá mỗi túi là 110 000 đồng.**Hỏi:** Nếu cô Huyền mua 20kg Xoài, thì nên chọn mua ở cửa hàng nào để phải trả ít tiền hơn?**Câu 5 (3,0 điểm)** . Vẽ đường thẳng xy . Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA = 3cm$, trên tia Oy lấy 2 điểm B, C sao cho $OB = 1cm$ và $OC = 5cm$.

a) Trên hình vẽ có mấy đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó?

b) Tính độ dài đoạn thẳng BC .c) Hỏi điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?**Câu 6 (1,0 điểm)** .

Cho tổng $S = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{2025^2} + \frac{1}{2026^2}.$ Chứng tỏ $S < 1.$

———— Hết ————

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... ; Số báo danh.....Phòng thi.....

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) .

Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25 điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN	C	B	A	D	D	B	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm) . Thực hiện các phép tính sau (*tính hợp lí nếu có thể*) :

a) $-\frac{3}{4} + 2025 + 0,75.$

b) $60\% + \frac{7}{5} : \left(\frac{3}{2} + \frac{3}{5}\right)$

ý	Nội dung trình bày	Điểm
a (0,5đ)	$-\frac{3}{4} + 2025 + 0,75 = (-0,75 + 0,75) + 2025$	0,25
	Ta có ----- $= 0 + 2025 = 2025$	0,25
b (0,5đ)	Ta có $60\% + \frac{7}{5} : \left(\frac{3}{2} + \frac{3}{5}\right)$	0,25
	$= \frac{3}{5} + \frac{7}{5} : \frac{21}{10}$ ----- $= \frac{3}{5} + \frac{2}{3} = \frac{19}{15}.$	
		0,25

Câu 2 (1,0 điểm) . Tìm x , biết

a) $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} : x = \frac{1}{3}.$

b) $\frac{1}{4} - \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = -2.$

ý	Nội dung trình bày	Điểm
---	--------------------	------

a (0,5đ)	Ta có $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} : x = \frac{1}{3}$ $\frac{3}{4} : x = \frac{1}{3} - \frac{1}{4}$ $\frac{3}{4} : x = \frac{1}{12}$	0,25
	$x = \frac{3}{4} : \frac{1}{12}$ $x = 9$ Vậy $x = 9$.	0,25
b (0,5đ)	Ta có $\frac{1}{4} - \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = -2$ $\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = \frac{1}{4} + 2$ $\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = \frac{9}{4}$	0,25
	Suy ra $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{2}$ hoặc $x - \frac{1}{2} = -\frac{3}{2}$ +) Với $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{2}$ $x = \frac{3}{2} + \frac{1}{2}$ $x = 2$ +) Với $x - \frac{1}{2} = -\frac{3}{2}$ $x = -\frac{3}{2} + \frac{1}{2}$ $x = -1$ Vậy $x \in \{2; -1\}$. <i>Nếu học sinh chỉ làm 1 trường hợp thì cho 0,25 đ</i>	0,25

Câu 3 (1,0 điểm) . Bảng thống kê dưới đây thể hiện kết quả xếp loại học lực cuối năm của học sinh lớp 6A thuộc một trường THCS.

Học lực	Giỏi	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	14	15	6	0

a) Số học sinh giỏi nhiều hơn số học sinh đạt bao nhiêu em?

b) Số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số học sinh cả lớp?

ý	Nội dung trình bày	Điểm
a	Số học sinh giỏi là 14 em, số học sinh đạt là 6 em	0,25
(0,5đ)	Vậy số học sinh giỏi hơn số học sinh đạt là: $14 - 6 = 8$ (em)	0,25
b	Tổng số học sinh cả lớp là: $14 + 15 + 6 = 35$ (học sinh)	0,25
(0,5đ)	Số học sinh giỏi chiếm số phần trăm so với tổng số học sinh cả lớp là $14 : 35 \cdot 100\% = 40\%$	0,25

Câu 4 (1,0 điểm) . Cô Huyền muốn mua Xoài để làm sinh tố. Cô tìm được hai cửa hàng bán Xoài, đều có cùng mức giá là 25 000 đồng một ki-lo-gam, nhưng mỗi cửa hàng lại có chương trình khuyến mại khác nhau:

- **Cửa hàng A:** khuyến mại giảm giá 10% trên tổng số tiền mua hàng.

- **Cửa hàng B:** khuyến mại khi mua theo túi: mỗi túi 5kg, giá mỗi túi là 110 000 đồng.

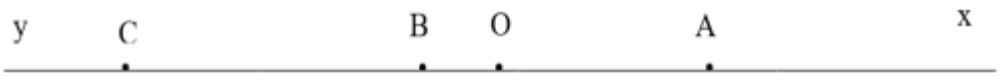
Hỏi: Nếu cô Huyền mua 20kg Xoài, thì nên chọn mua ở cửa hàng nào để phải trả ít tiền hơn?

Nội dung trình bày	Điểm
Nếu cô Huyền mua 20kg xoài ở cửa hàng A, thì số tiền cô Huyền phải trả là $20 \cdot 25000 \cdot (100\% - 10\%) = 450\,000$ (đồng)	0,25
Nếu cô Huyền mua 20kg Xoài ở cửa hàng B, thì 20kg Xoài ứng với $20 : 5 = 4$ (túi)	0,25
Số tiền cô Huyền phải trả khi mua 20kg Xoài ở cửa hàng B là $4 \cdot 110\,000 = 440\,000$ (đồng)	0,25
Vì $440\,000 < 450\,000$. Vậy cô Huyền mua Xoài ở cửa hàng B sẽ phải trả ít tiền hơn.	0,25

Câu 5 (3,0 điểm) . Vẽ đường thẳng xy . Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA = 3cm$, trên tia Oy lấy 2 điểm B, C sao cho $OB = 1cm$ và $OC = 5cm$.

a) (1,25đ) Trên hình vẽ có mấy đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó?

Nội dung trình bày	Điểm
--------------------	------

	m
	0,25
Trên hình vẽ có 6 đoạn thẳng	0,5
Đó là các đoạn thẳng OA, OB, OC, AB, AC, BC	0,5

HS liệt kê được 3 đoạn thẳng đúng trở lên và ít hơn 6 đoạn cho 0,25đ

b) (1,25đ) Tính độ dài đoạn thẳng BC .

Nội dung trình bày	Điểm
Vì điểm B nằm giữa hai điểm O và C nên ta có	0,25
$OB + BC = OC$	0,25
$1 + BC = 5$	0,25
$BC = 5 - 1$	0,25
$BC = 4cm$	
Vậy $BC = 4cm$	0,25

c) (0,5đ) Hỏi điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

Nội dung trình bày	Điểm
Vì điểm O nằm giữa hai điểm A và B nên ta có $OA + OB = AB$ $3 + 1 = AB$ $AB = 4cm$	0,25
Theo phần b) ta có $BC = 4cm$ nên $AB = BC = 4cm$ mà B nằm giữa A và C Vậy B là trung điểm của đoạn thẳng AC.	0,25

Câu 6 (0,5 điểm) .

Cho tổng $S = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{2025^2} + \frac{1}{2026^2}$. Chứng tỏ $S < 1$.

ý	Nội dung trình bày	Điểm
a (0,5đ)	$S = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{2025^2} + \frac{1}{2026^2}$ $= \frac{1}{2.2} + \frac{1}{3.3} + \frac{1}{4.4} + \dots + \frac{1}{2025.2025} + \frac{1}{2026.2026}$ $< \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{2024.2025} + \frac{1}{2025.2026}$	0,25 0,25
	Mà	0,25

$\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{2024.2025} + \frac{1}{2025.2026}$ $= \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{2025} - \frac{1}{2026}$ $= 1 - \frac{1}{2026} < 1.$ <p>Vậy $S < 1$.</p>	0,25
---	------

-Hết----

ĐỀ 2	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6 <i>(Thời gian làm bài: 90 phút)</i>
-------------	--

PHẦN I (3,0 điểm) : Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{0,5}{8}$ B. $\frac{9}{0}$ C. $\frac{12}{5}$ D. $\frac{2}{0,3}$

Câu 2. Số đối của $\frac{3}{7}$ là

- A. $-\frac{3}{7}$ B. $\frac{7}{3}$ C. $\frac{-7}{3}$ D. $\frac{-3}{-7}$

Câu 3. So sánh nào sau đây sai?

- A. $1,25 < 2$ B. $-5,8 > 5$ C. $-2025 < -2024$ D. $9 < 9,5$

Câu 4. Làm tròn số 56,472 đến hàng phần mười ta được:

- A. 56 B. 56,5 C. 57 D. 56,4

Câu 5. Làm tròn số 8365 đến chữ số hàng trăm ta được:

- A. 8400 B. 8300 C. 84 D. 83

Câu 6. Viết phân số $\frac{131}{1000}$ dưới dạng số thập phân ta được

- A. $-0,131$ B. $-0,1331$ C. $-1,31$ D. $-0,0131$

Câu 7. Số tự nhiên x thỏa mãn: $35,67 < x < 36,05$ là:

A. 35

B. 36

C. 37

D.

34

Câu 8. Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?

A

B

O

P

B. O

C. P

D. B và P

A. B

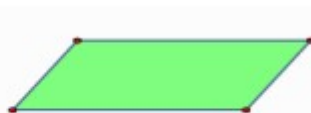
Câu 9. Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng?



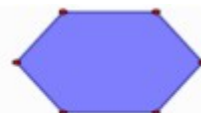
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

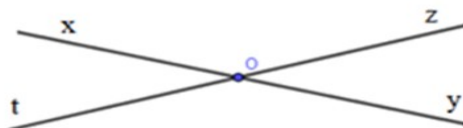
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 10. Trong hình vẽ sau, có bao nhiêu tia



A. 2

B. 0

C. 4

D.

1

Câu 11. Cho đoạn thẳng $AB = 24\text{cm}$, gọi điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Độ dài đoạn $AM = ?$

A. 12 dm

B. 14 cm

C. 10 cm

D. 12 cm

Câu 12. Ba điểm thẳng hàng là:

A. A, B, C

B. A, B, E

E

A

B

C

D

E

D

B, E, D

D.

PHẦN II (2,0 điểm) : Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a) , b) , c) , d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Trong một hộp có 1 bóng màu xanh và 4 bóng màu đỏ có kích thước như nhau. An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp. Xét các sự kiện sau :

a) An lấy được 2 bóng màu xanh : là sự kiện chắc chắn xảy ra .

b) An lấy được 2 bóng màu đỏ : là sự kiện không thể xảy ra .

c) An lấy được 1 bóng màu đỏ và 1 bóng màu xanh : là sự kiện có thể xảy ra.

d) Trong 10 lần An thực hiện lấy bóng thì có 8 lần lấy được 2 bóng màu đỏ . Xác suất thực nghiệm An lấy được 2 bóng đỏ là $\frac{5}{4}$

Câu 14 : Cho đoạn thẳng $AB = 10\text{cm}$, điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB.

- a) Ba điểm A,B,C thẳng hàng.
- b) Điểm C không nằm giữa hai điểm A và B.
- c) Đoạn thẳng CB có độ dài bằng 5 cm
- d) $AC = CB$.

PHẦN III (2,0 điểm) : Thí sinh trả lời ngắn từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Kết quả của phép tính $12,03 - 35,127$

Câu 16 : Kết quả của phép tính $14,4 : (-1,2)$

Câu 17 : Cho hình vẽ bên, góc ở hình vẽ có tên là :



câu 19

Câu 18 : Góc tù là góc có số đo như thế nào ?

PHẦN IV. Tự luận. (3,0 điểm) (Thí sinh làm bài từ đến câu 21)

Câu 19: (1,0 đ) Tính (tính hợp lí nếu có thể)

a) $1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$

b/ $(-3,6) \cdot 5,4 + 5,4 \cdot (-6,4)$

Câu 20: (1,5 đ) Một cửa hàng nhập về 45 kg bột nếp. Cửa hàng đã bán hết $\frac{5}{9}$ số bột nếp đó.

a/ Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam bột nếp?

b/ Khối lượng bột nếp còn lại chiếm bao nhiêu phần trăm so với khối lượng bột nếp cửa hàng đã nhập?

(0,5 đ) Tìm số tự nhiên x biết : $\frac{x}{27} = \frac{1}{3}$

Câu 21:

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

(Khoanh tròn vào phương án đúng cho mỗi Câu hỏi)

PHẦN I:

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Phương án chọn	C	A	B	B	A	A	B	C	A	C	D	A

PHẦN II: (Chọn phương án “Đ” hoặc “S” cho mỗi ý a, b, c, d của mỗi Câu hỏi)

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

-Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

Câu 13		
a		S
b		S
c	Đ	
d		S

Câu 14		
a	Đ	
b		S
c	Đ	
d	Đ	

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

12

Câu 17: góc EOF

Câu 18: có số đo lớn hơn 90 độ và nhỏ hơn 180 độ.

<p>Câu 19 (1,0 điểm)</p>	<p>a) $1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$</p> $= \frac{3}{2} + \frac{1}{2} \cdot \frac{12}{5}$ $= \frac{3}{2} + \frac{6}{5}$ $= \frac{15+12}{10}$ $= \frac{27}{10}$ <p>b/ $(-3,6) \cdot 5,4 + 5,4 \cdot (-6,4) = 5,4 \cdot [-3,6 + (-6,4)]$</p> $= 5,4 \cdot (-10)$ $= -54$	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p>Câu 20 (1,5 điểm)</p>	<p>a/ Số kg bột nếp cửa hàng đã bán là:</p> $45 \cdot \frac{5}{9} = 25 \text{ (kg)}$ <p>Số kg bột nếp cửa hàng còn lại là:</p> $45 - 25 = 20 \text{ (kg)}$ <p>b/ Phần trăm khối lượng bột nếp còn lại so với khối lượng bột nếp cửa hàng đã nhập là:</p> $\frac{20 \cdot 100}{45} \% \approx 44,4\%$	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>

Câu 21 (0,5 điểm)	$\frac{x^3 - 27}{x - 3} = \frac{1}{27}$ $\frac{x^3 - 27}{x - 3} = \frac{x^3 - 27}{x - 3}$ $x = 3$	0,25 điểm 0,25 điểm
--------------------------------------	---	----------------------------------

*(Học sinh làm phương án khác đúng cho điểm tối đa)
...Hết...*

ĐỀ 3	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6 <i>(Thời gian làm bài: 90 phút)</i>
-------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Làm tròn số 81, 24035 đến hàng phần trăm ta được số:

- A. 81,25 B. 81,24 C. 81 D. 81,240

Câu 2: Ta có 7% của 20 bằng:

- A. 14 B. 1,4 C. 0,14 D. 0,014

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{-2}{5} + \frac{4}{3}$ là:

- A. $\frac{14}{15}$ B. $-\frac{26}{15}$ C. $\frac{26}{15}$ D. $-\frac{14}{15}$

Câu 4: Phân số nào là phân số thập phân?

- A. $\frac{100}{7}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{7}{100}$ D. $\frac{-15}{1100}$

Câu 5: Trong các số sau, số nào không bằng $3\frac{1}{5}$?

- A. 3,2 B. $\frac{16}{5}$ C. 320% D. 32

Câu 6: Số đối của -0,4 là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{1}{-0,4}$

C. $\frac{5}{2}$

D. $-\frac{2}{5}$

Câu 7: Cho các số $\frac{1}{2}; \frac{-2}{5}; \frac{3}{4}; 0,25$. Khi đó các số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

A.

$\frac{1}{2} < \frac{-2}{5} < \frac{3}{4} < 0,25$

B.

$\frac{3}{4} < \frac{-2}{5} < \frac{1}{2} < 0,25$

C.

$\frac{-2}{5} < 0,25 < \frac{1}{2} < \frac{3}{4}$

D.

$\frac{-2}{5} < \frac{3}{4} < \frac{1}{2} < 0,25$

Câu 8:



Xem hình vẽ và chọn phát biểu *sai* trong các phát biểu sau:

A. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.

B. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C.

C. Hai điểm A và B nằm cùng phía đối với điểm C.

D. Hai điểm B và C nằm cùng phía đối với điểm A.

A.

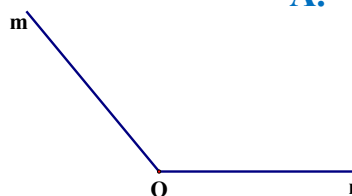
Câu 9: Góc mOn ở hình bên là:

A. Góc nhọn.

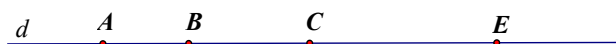
B. Góc vuông

C. Góc tù

D. Góc bẹt.



Câu 10: Trên đường thẳng d lấy 4 điểm A, B, C, E. Hỏi có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng?



A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

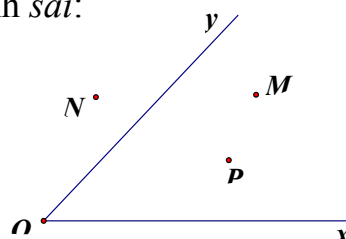
Câu 11: Quan sát hình sau và cho biết đâu là khẳng định *sai*:

A. N là điểm nằm trong $\widehat{xOy}$.

B. N là điểm nằm ngoài $\widehat{xOy}$.

C. M là điểm nằm trong $\widehat{xOy}$.

D. P là điểm nằm trong $\widehat{xOy}$.



Câu 12: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Số học sinh trong mỗi lớp.

B. Tên học sinh trong lớp.

C. Số giờ tự học ở nhà của mỗi học sinh.

D. Số bài tập môn Toán hàng tuần.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể) :

a) $113,58.23 + 113,58.76 + 113,58$

b) $\left(-\frac{2}{5}\right)^2 + \frac{1}{2} \cdot (4,5 - 2) - 25\%$

Câu 14: (0,5 điểm) Cho ba số nguyên: -7 ; 2 và 5 . Viết tất cả các phân số có tử và mẫu là các số nguyên đã cho.

Câu 15: (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $x + \frac{1}{5} = 25\%$

b) $\frac{5}{3} \cdot x - \frac{1}{3} = \frac{3}{4}$

c) $\frac{3x}{2.5} + \frac{3x}{5.8} + \frac{3x}{8.11} + \frac{3x}{11.14} = \frac{1}{21}$

Câu 16: (1,0 điểm)

a) Một cái cây bị bão làm gãy phần ngọn. Người ta đo được phần ngọn bị gãy dài 2,5m và phần thân còn lại dài 3,8m. Hỏi trước khi bị gãy, cây cao bao nhiêu mét?

b) Cho các góc với số đo như dưới đây:

$$\hat{A}=43^\circ; \hat{B}=117^\circ; \hat{C}=90^\circ; \hat{D}=180^\circ; \hat{E}=55^\circ; \hat{F}=140^\circ$$

Trong các góc đó, kể tên các góc nhọn, góc bẹt.

Câu 17: (1,5 điểm) Cho điểm A trên tia Om sao cho $OA = 9cm$. Gọi B là điểm trên tia đối của tia Om và cách O một khoảng bằng $5cm$.

a) Vẽ hình.

b) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

c) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Tính độ dài đoạn thẳng AI .

Câu 18: (1,5 điểm) Cửa hàng bán điện thoại di động thống kê số lượng điện thoại di động bán được trong 5 tháng liên tiếp ở bảng sau:

Tháng	Một	Hai	Ba	Tư	Năm
Số lượng (chiếc)	16	8	8	14	6

a) Cho biết có bao nhiêu chiếc điện thoại di động được bán ra trong 5 tháng đó?

b) Số lượng điện thoại di động bán được trong tháng Tư nhiều hơn trong tháng Hai là bao nhiêu?

c) Hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng trên?

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu làm đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	A	C	D	A	C	B	C	D	A	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu		Nội dung	Điểm m	Cộng
Câu 13 (1,0đ)	13a	$113,58.23 + 113,58.76 + 113,58$ $= 113,58.(23 + 76 + 1)$ $= 113,58.100$ $= 11358$	0,25 0,25	1,0

Câu		Nội dung	Điểm	Cộng
	13b	$\left(-\frac{2}{5}\right)^2 + \frac{1}{2} \cdot (4,5 - 2) - 25\%$ $= \frac{4}{25} + \frac{1}{2} \cdot 2,5 - \frac{1}{4}$ $= \frac{4}{25} + \frac{5}{4} - \frac{1}{4} = \frac{4}{25} + 1 = \frac{29}{25}$	0,25 0,25	
Câu 14 (0,5đ)		<p>Các phân số có tử và mẫu là các số nguyên đã cho là:</p> $\frac{-7}{2}; \frac{-7}{5}; \frac{2}{-7}; \frac{2}{5}; \frac{5}{-7}; \frac{5}{2}$ <p>(HS viết được 3 phân số được 0. 25đ; HS viết được 6 phân số là được 0. 5đ; <i>trường hợp HS viết phân số có tử và mẫu bằng nhau vẫn tính</i>).</p>	0,5	0,5
Câu 15 (1,5đ)	15a	$x + \frac{1}{5} = 25\%$ $x + 0,2 = 0,25$ $x = 0,25 - 0,2$ $x = 0,05$	0,25 0,25 0,25	
	15b	$\frac{5}{3} \cdot x - \frac{1}{3} = \frac{3}{4}$ $\frac{5}{3} \cdot x = \frac{3}{4} + \frac{1}{3}$ $\frac{5}{3} \cdot x = \frac{13}{12}$ $x = \frac{13}{12} : \frac{5}{3} = \frac{13}{20}$	0,25 0,25 0,25	1,5
	15c	$\frac{3x}{2.5} + \frac{3x}{5.8} + \frac{3x}{8.11} + \frac{3x}{11.14} = \frac{1}{21}$ $x \cdot \left(\frac{3}{2.5} + \frac{3}{5.8} + \frac{3}{8.11} + \frac{3}{11.14} \right) = \frac{1}{21}$ $x \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{8} + \frac{1}{8} - \frac{1}{11} + \frac{1}{11} - \frac{1}{14} \right) = \frac{1}{21}$ $x \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{14} \right) = \frac{1}{21}$ $x \cdot \frac{3}{7} = \frac{1}{21}$ $x = \frac{1}{21} : \frac{3}{7} = \frac{1}{9}$	0,0	
		Lưu ý:		

Câu		Nội dung	Điểm m	Cộng
		- HS làm đúng 2 câu a và b được: 1. 5đ - HS làm đúng câu c nhưng sai câu a và sai câu b được: 0. 25đ - HS làm đúng câu c (0. 25đ) và đúng 1 trong 2 câu a/b (0. 75đ) tổng được: 1. 0đ		
Câu 16 (1,0đ)	16a	Trước khi bị gãy, cây cao: $2,5 + 3,8 = 6,3$ (m)	0,5	
	16b	Góc nhọn: $\hat{A}, \hat{E}$. Góc bẹt: $\hat{D}$.	0,25 0,25	
	17a	Vẽ hình đúng	0,5	
Câu 17 (1,5đ)	17b	Độ dài đoạn thẳng AB là: $AB = OA + OB = 9 + 5 = 14$ (cm)	0,5	
	17c	Vì I là trung điểm của đoạn thẳng AB nên: $AI = \frac{AB}{2} = \frac{14}{2} = 7$ (cm)	0,5	
	18a	Số chiếc điện thoại di động được bán ra trong 5 tháng đó là: $16 + 8 + 8 + 14 + 6 = 52$ (chiếc)	0,5	
Câu 18 (1,5đ)	18b	Số lượng điện thoại di động bán được trong tháng Tư nhiều hơn trong tháng Hai là: $14 - 8 = 6$ (chiếc)	0,5	
	18c	Vẽ biểu đồ cột(thiếu tên biểu đồ hay thiếu tên trục chấm chức) .	0,5	
BIỂU ĐIỂM DÀNH CHO HSKT				
Trắc nghiệm		Mỗi câu đúng được 0,5đ.	6,0	6,0
Câu 13		Làm đúng 1 trong 2 ý a,b.	1,0	1,0
Câu 14		Viết được 1 phân số	0,5	0,5
Câu 15		Làm đúng 1 trong 2 ý a,b.	0,75	0,75
Câu 17		Làm đúng 1 trong 3 ý a,b,c	0,75	0,75
Câu 18		Làm đúng 1 trong 3 ý a,b,c	1,0	1,0
Các câu khác nếu HS làm đúng chấm theo bảng điểm HS đại trà.				

Học sinh giải cách khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN 6

(Thời gian làm bài: 90 phút)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số có mẫu số là số nguyên âm?

A. $\frac{-3}{4}$.

B. $\frac{2}{5}$.

C. $\frac{-4}{7}$.

D. $\frac{5}{-6}$.

Câu 2. Phân số bằng với phân số $\frac{-2}{5}$ là

A. $\frac{-4}{10}$.

B. $\frac{4}{10}$.

C. $\frac{6}{15}$.

D. $\frac{-6}{-15}$.

Câu 3. Phần nguyên của hỗn số $2\frac{3}{5}$ là

A. 2.

B. 3.

C. 5.

D. $\frac{3}{5}$.

Câu 4. Chọn số thích hợp điền vào chỗ chấm sau: $\frac{7}{23} < \frac{\dots}{23}$

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 5. Số đối của $3,45$ là số nào ?

A. $34,5$.

B. 345.

C. $-3,45$.

D. -345 .

Câu 6. Trong các số sau, số tự nhiên nhỏ nhất **lớn hơn** 8,44 là

A. 8.

B. 9.

C. 10.

D. 11.

Câu 7. Biển báo giao thông **không** có trục đối xứng là:



a)



b)



c)



d)

A. Biển báo cấm đi ngược chiều. (Hình a)

B. Biển báo cấm dừng xe và đỗ xe. (Hình b)

C. Biển báo cấm sử dụng còi. (Hình c)

D. Biển báo đường cấm. (Hình d)

Câu 8. Hình nào dưới đây **không** có tâm đối xứng?

A. Hình bình hành.

B. Hình thoi.

C. Hình chữ nhật.

D. Hình thang cân.

Câu 9. Điểm M **không** thuộc đường thẳng a được kí hiệu là

A. $M \in a$.

B. $M \notin a$.

C. $a \notin M$.

D. $a \in M$. $BC = 16$ cm

Câu 10. Hình biểu diễn đoạn thẳng AB là:



A. Hình 1.



B. Hình 2.

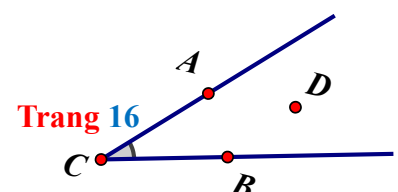


C. Hình 3.



D. Hình 4. $BC = 16$ cm

Câu 11. Góc ở hình vẽ bên có đỉnh là:



A. đỉnh A.

B. đỉnh B.

C. đỉnh C.

D. đỉnh D.

BC=16 cm

Câu 12. Góc vuông có số đo làA. 90^0 .B. 60^0 .C. 120^0 .D. 180^0 . BC=16 cm**II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)****Câu 13. (1,75 điểm)** So sánh các số sau:a) 9,14 và $-7,17$.b) $\frac{8}{21}$ và $\frac{11}{21}$.c) $\frac{-3}{10}$ và $\frac{7}{4}$.**Câu 14. (0,75 điểm)** Bốn bạn An, Bảo, Châu, Dũng cùng đo chiều cao. An cao 1,32 m ; Bảo cao 1,49m; Châu cao 1,40 m ; Dũng cao 1,4 m .

a) Bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất?

b) Bạn nào có chiều cao bằng nhau?

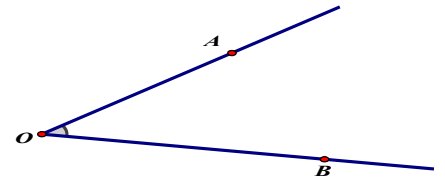
Câu 15. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể) :a) $41,3 + (-20,5) + 4,2$.b) $(-3,9).2,8 + (-3,9).7,2$.

c)

 $(85,5 + 2,98) - (-17,02 + 5,5)$.**Câu 16. (0,75 điểm)** Vẽ đoạn thẳng AB dài 8 cm có I là trung điểm. Tính IA.**Câu 17. (0,75 điểm)** Cho góc AOB như hình vẽ:

a) Góc AOB là góc gì? (nhọn, vuông, tù, bẹt)

b) Kể tên đỉnh, và hai cạnh của góc AOB?

**Câu 18. (1,0 điểm)** Một thư viện có tổng cộng 350 quyển sách. Trong đó, có 70 quyển sách truyện, số sách khoa học chiếm 30% tổng số sách trong thư viện.

a) Tính số sách khoa học trong thư viện.

b) Tính tỉ số phần trăm số sách truyện so với tổng số sách trong thư viện.

Câu 19. (0,5 điểm) Bạn Minh muốn mua **10 hộp bánh Karo**, mỗi hộp có giá **35.000 đồng**. Hai siêu thị đang có chương trình khuyến mãi khác nhau như sau:• Siêu thị M: Khi mua từ **8 hộp trở lên**, mỗi hộp sẽ được giảm giá **15%**.• Siêu thị N: 2 hộp đầu giá gốc, **3 hộp tiếp theo được giảm 10%**, các hộp còn lại được giảm **25%**.

Hỏi: Bạn Minh nên mua sữa ở siêu thị nào thì tiết kiệm hơn?

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**I. TRẮC NGHIỆM: 3,0đ (mỗi câu đúng 0,25đ)**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	A	A	D	C	B	C	D	B	B	C	A

II. TỰ LUẬN. 7,0đ

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

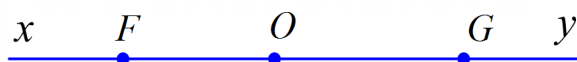
13			1,75
	a	$9,14 > -7,17$.	0,5
	b	Ta có: $8 < 11$ Vậy $\frac{8}{21} < \frac{11}{21}$.	0,25 0,25
	c	$\frac{-3}{10} = \frac{-6}{20}$; $\frac{7}{4} = \frac{35}{20}$	0,25
		Vì $-6 < 35$ nên $\frac{-6}{20} < \frac{35}{20}$	0,25
		Vậy $\frac{-3}{10} < \frac{7}{4}$	0,25
14			0,75
	a	Bạn Bảo nhất, Bạn An thấp nhất.	0,25 0,25
	b	Bạn Châu và Dũng cao bằng nhau.	0,25
15			1,5
		$41,3 + (-20,5) + 4,2$ $= (41,3 + 4,2) + (-20,5)$ $= 45,5 + (-20,5)$ $= 25$	0,25 0,25
		$(-3,9).2,8 + (-3,9).7,2$ $= (-3,9).(2,8 + 7,2)$ $= (-3,9).10$ $= -39$	0,25 0,25
		$(85,5 + 2,98) - (-17,02 + 5,5)$ $= 85,5 + 2,98 + 17,02 - 5,5$ $= (85,5 - 5,5) + (2,98 + 17,02)$ $= 80 + 20$ $= 100$	0,25 0,25
16			0,75
		 <p>Vẽ được đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$. Vẽ được trung điểm I và đánh dấu đoạn thẳng bằng nhau. Tính được $IA = 4\text{cm}$</p>	0,25 0,25 0,25
17			0,75

	a	Góc AOB là góc nhọn.	0,25
	b	Đỉnh: O Hai cạnh: OA, OB	0,25 0,25
18			1,0
	a	Số sách khoa học trong thư viện là: 350.30% $=105(\text{quyển sách})$	0,25 0,25
	b	Tỉ số phần trăm sách truyện so với tổng số sách trong thư viện là: $\frac{70.100}{350}\%$ $= 20\%$	0,25 0,25
19			0,5
		Số tiền mua 10 hộp bánh Karo ở Siêu thị M là: ($35\,000 \cdot 85\%$) $\cdot 10 = 297\,500$ (đồng) Số tiền mua 10 hộp bánh Karo ở Siêu thị N là: $2 \cdot 35\,000 + 3 \cdot (35\,000 \cdot 90\%) + 5 \cdot (35\,000 \cdot 75\%) = 295\,750$ (đồng) Vì $297\,500$ (đồng) $> 295\,750$ (đồng) nên Bạn Minh nên mua bánh ở Siêu Thị N sẽ tiết kiệm hơn.	0,25 0,25

Lưu ý: HS làm theo cách khác vẫn cho trọn điểm

ĐỀ 5
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6
(Thời gian làm bài: 90 phút)
PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Quan sát hình vẽ bên dưới, khẳng định nào sau đây là **sai**?



A. Hai điểm F và G nằm khác phía so với điểm O .

B. Hai điểm F và O nằm khác phía so với điểm G .

C. Ba điểm O, F, G thẳng hàng.

D. Điểm O nằm giữa F và G .

Câu 2. Cho điểm E thuộc đoạn thẳng IK . Biết $IE = 2 \text{ cm}$, $EK = 6 \text{ cm}$. Tính độ dài của đoạn thẳng IK .

A. 12 cm .

B. 4 cm .

C. 8 cm .

D. 3 cm .

Câu 3. Hằng ngày, chị Mai đi từ nhà đến công ty hết 15 phút, còn anh Hùng đi hết 45 phút. Tỉ số phần trăm thời gian đi từ nhà đến công ty của anh Hùng so với tổng thời gian đi của anh Hùng và chị Mai là bao nhiêu?

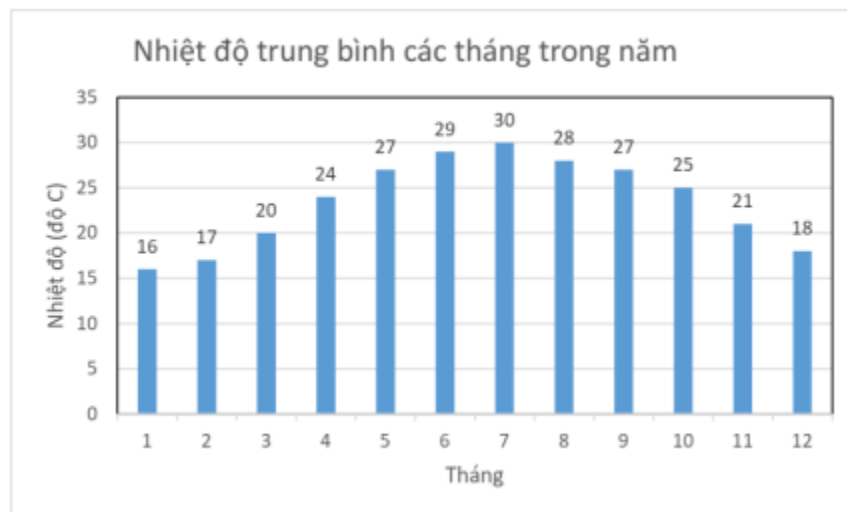
A. $33,33\%$.

B. 75% .

C. 25% .

D. 30% .

Câu 4. Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về nhiệt độ trung bình trong các tháng trong năm của một thành phố.



Số tháng có nhiệt độ trung bình thấp hơn 25 độ là

A. 4 tháng.

B. 6 tháng.

C. 3 tháng.

D. 5 tháng.

Câu 5. Số nguyên x thỏa mãn $\frac{15}{-12} = \frac{x}{4}$ là

A. 5.

B. -60.

C. -5.

D. -3.

Câu 6. Làm tròn số $2025,365$ đến hàng phần trăm ta được kết quả là

A. $2025,36$.

B. $2025,4$.

C. 2030 .

D. $2025,37$.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 40 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt sấp thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa là

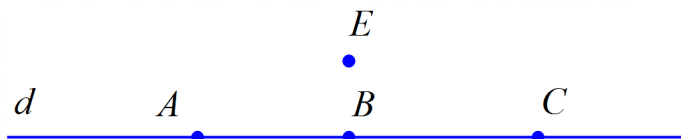
A. $\frac{8}{15}$.

B. $\frac{1}{24}$.

C. $\frac{2}{5}$.

D. $\frac{1}{16}$.

Câu 8. Ở hình 1, điểm nào sau đây *không thuộc* đường thẳng d ?

A. Điểm C .B. Điểm A .C. Điểm E .D. Điểm B .

Câu 9. Lớp 6B có 36 học sinh, trong đó có 25% số học sinh là xuất sắc. Hỏi lớp 6B có bao nhiêu học sinh xuất sắc?

A. 11.

B. 4.

C. 6.

D. 9.

Câu 10. Số thập phân nào sau đây là lớn nhất?

A. $-2025,01$.B. $-2025,012$.C. $-2025,1$.D. $-2025,1025$.

Câu 11. Tổng số gia cầm tại trang trại nhà bác Chi là 150 con. Số lượng mỗi loài được biểu diễn trong bảng sau:

Gà	Vịt	Ngỗng	Ngan
Mỗi chỉ 10 con vật			

Số cần bổ sung vào bảng để biểu diễn số ngỗng là

A. 30.

B. 3.

C. 5.

D. 4.

Câu 12. Trong một thanh hợp kim, đồng chiếm $\frac{5}{12}$ khối lượng của nó. Tính khối lượng của thanh hợp kim biết khối lượng đồng trong đó là $8,5\text{kg}$.

A. $20,4\text{kg}$.B. $8,5\text{kg}$.C. 20kg .D. 16kg .

Câu 13. Kết quả của phép tính $\left(-\frac{3}{2}\right) : \left(-\frac{9}{2}\right)$ bằng

A. -3 .B. $-\frac{1}{3}$.

C. 3.

D. $\frac{1}{3}$.

Câu 14. Một cửa hàng bán giày thống kê số lượng các đôi giày đã bán được trong tháng 4 như sau:

Cỡ giày	36	37	38	39	40	41	42
---------	----	----	----	----	----	----	----

Số giày bán được	21	25	35	30	23	19	17
------------------	----	----	----	----	----	----	----

Cửa hàng bán được nhiều nhất loại giày có cỡ là

- A. 36. B. 42. C. 38. D. 39.

Câu 15. Cho hình vẽ bên:



Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào **sai**?

- A. Tia AB và tia BA là hai tia đối nhau.
 B. Tia Ax và tia Ay là hai tia đối nhau.
 C. Tia AB và tia Ay là hai tia trùng nhau.
 D. Tia Bx và tia By là hai tia đối nhau.

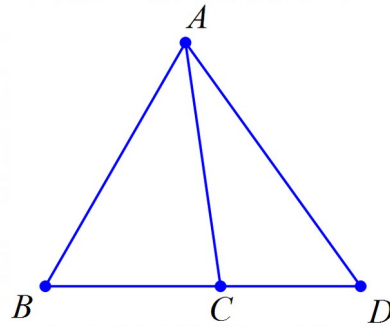
Câu 16. Giờ nào sau đây thì kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành góc vuông?

- A. 6 giờ. B. 3 giờ. C. 5 giờ. D. 12 giờ.

Câu 17. Cho một sợi dây, gấp lại để hai đầu sợi dây trùng nhau. Đánh dấu điểm A là chỗ bị gấp. Biết khoảng cách từ điểm A đến mỗi đầu sợi dây là $0,3\text{ m}$, khi đó độ dài sợi dây là

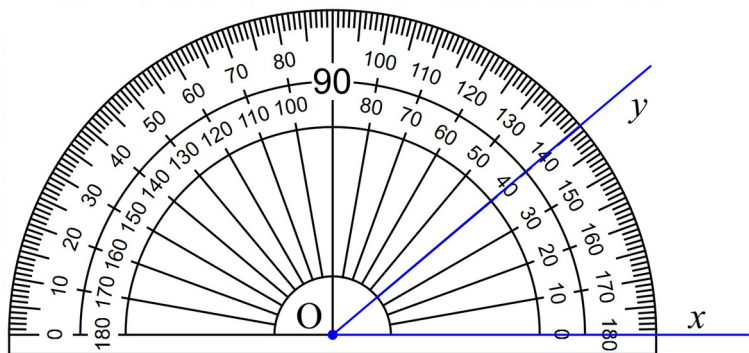
- A. 60 cm . B. $0,6\text{ dm}$. C. 3 m . D. $0,6\text{ cm}$.

Câu 18. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu góc (không tính góc bẹt) ?



- A. 4. B. 6. C. 5. D. 7.

Câu 19. Trong hình vẽ dưới đây, số đo $\angle xOy$ bằng bao nhiêu độ?



- A. 125° . B. 140° . C. 180° . D. 40° .

Câu 20. Gieo 1 con xúc xắc 6 mặt 60 lần ta được kết quả ở bảng sau:

Mặt ghi số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	6	15	8	10	9	12

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 2 chấm là

A. $\frac{1}{4}$.

B. $\frac{1}{5}$.

C. $\frac{1}{15}$.

D. $\frac{2}{3}$.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**Câu 1. (1,0 điểm)**

a) Thực hiện phép tính $\frac{7}{4} - \frac{9}{2} \cdot \frac{1}{18}$.

b) Tìm x biết $\frac{7}{2} - x = 2,5$.

Câu 2. (1,0 điểm) Một hộp kín có chứa 4 quả bóng có kích thước như nhau gồm các màu xanh (X), đỏ (Đ), vàng (V) và tím (T). Bạn Giang trộn đều số bóng trong hộp rồi bốc ngẫu nhiên một quả và ghi lại màu của quả bóng, sau đó bỏ lại vào hộp. Giang lặp lại các bước trên 20 lần và ghi lại kết quả như bảng sau:

X	Đ	V	X	T	Đ	X	V	X	X
T	Đ	X	T	Đ	X	Đ	T	X	V

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu sau:

Màu bóng	X	Đ	V	T
Số lần xuất hiện				

Cho biết số lần xuất hiện của bóng màu nào là nhiều nhất?

b) Hãy tính xác suất thực nghiệm để Giang lấy được bóng màu đỏ.

Câu 3. (1,0 điểm) Một đội công nhân sơn hàng rào dài 150 mét cho một công viên trong

ba ngày. Ngày thứ nhất đội sơn được $\frac{2}{5}$ chiều dài của hàng rào. Ngày thứ hai sơn được 40% số mét rào còn lại sau ngày thứ nhất. Hỏi mỗi ngày đội sơn được bao nhiêu mét rào?

Câu 4. (1,5 điểm) Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 3 \text{ cm}$; $OB = 8 \text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho $CB = 2 \text{ cm}$. Hỏi A có là trung điểm của đoạn thẳng OC không? Vì sao?

Câu 5. (0,5 điểm) Một cửa hàng triển khai chương trình khuyến mãi đặc biệt mang tên “Chào đón mùa hè rực rỡ” với mức giảm giá 15% cho tất cả các sản phẩm. Hơn nữa, những khách hàng lựa chọn mua từ 2 sản phẩm trở lên sẽ được hưởng thêm ưu đãi giảm giá 5% trên tổng giá trị hóa đơn đã giảm. Anh Minh mua 3 sản phẩm gồm một chiếc ti vi có giá gốc là 12.000.000 đồng, một chiếc tủ lạnh có giá gốc là 8.000.000 đồng, một chiếc lò vi sóng có giá gốc là 3.000.000 đồng. Hỏi nếu anh Minh mua 3 sản phẩm nằm trong chương trình “Chào đón mùa hè rực rỡ” thì số tiền anh Minh phải trả là bao nhiêu?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**Phần I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)**

1. B	2. C	3. B	4. B	5. C	6. D	7. C	8. C	9. D	10. A
11. B	12. A	13. D	14. C	15. A	16. B	17. A	18. D	19. D	20. A

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**Lưu ý khi chấm bài:**

Dưới đây chỉ là sơ lược các bước giải. Lời giải của học sinh cần lập luận chặt chẽ hợp logic. Nếu học sinh làm cách khác mà giải đúng thì cho điểm tối đa.

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm										
Câu 1 (1,0 điểm)	$\text{a)} \quad \frac{7}{4} - \frac{9}{2} \cdot \frac{1}{18}$ $= \frac{7}{4} - \frac{1}{4}$	0. 25										
	$= \frac{6}{4} = \frac{3}{2}$	0. 25										
	$\text{b)} \quad \frac{7}{2} - x = 2,5$ $\frac{7}{2} - x = \frac{5}{2}$ $x = \frac{7}{2} - \frac{5}{2}$	0. 25										
	$x = 1$ <p>Vậy $x = 1$.</p>	0. 25										
Câu 2 (1,0 điểm)	a) Bảng thống kê: <table><tr><td>Màu bóng</td><td>X</td><td>Đ</td><td>V</td><td>T</td></tr><tr><td>Số lần xuất hiện</td><td>8</td><td>5</td><td>3</td><td>4</td></tr></table>	Màu bóng	X	Đ	V	T	Số lần xuất hiện	8	5	3	4	0. 25
	Màu bóng	X	Đ	V	T							
	Số lần xuất hiện	8	5	3	4							
Số lần xuất hiện của bóng màu xanh là nhiều nhất.	0. 25											
b) Xác suất thực nghiệm Giang lấy được bóng màu đỏ là: $\frac{5}{20} = \frac{1}{4}.$	0. 5											
Câu 3 (1,0 điểm)	Ngày thứ nhất đội sơn được số mét hàng rào là: $150 \cdot \frac{2}{5} = 60$ (m)	0. 25										
	Số mét rào còn lại sau ngày thứ nhất là: $150 - 60 = 90$ (m)	0,25										
	Ngày thứ hai đội sơn được số mét hàng rào là: $90 \cdot 40\% = 36$ (m)	0. 25										
	Ngày thứ ba đội sơn được số mét hàng rào là: $90 - 36 = 54$ (m) Kết luận.	0. 25										

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm
Câu 4 (1,5 điểm)		0.25
	a) Học sinh tính được $AB = OB - OA = 8 - 3 = 5 (cm)$	0.25
	Vậy $AB = 5 (cm)$	0.25
	b) Học sinh tính được $AC = AB - CB = 5 - 2 = 3 (cm)$	0.25
	Vì $AC = OA = 3 (cm)$ và A nằm giữa hai điểm O và C nên A là trung điểm của đoạn thẳng OC	0.25
	Kết luận.	0.25
Câu 5 (0,5 điểm)	Tổng giá trị của ba sản phẩm sau khi giảm 15% là: $(12000000 + 8000000 + 3000000) \cdot (100\% - 15\%) = 19550000$ (đồng)	0.25
	Vì anh Minh mua 3 sản phẩm, anh sẽ được giảm thêm 5% trên tổng giá trị đã giảm. Số tiền giảm thêm 5% là: $19550000 \cdot 5\% = 977500$ (đồng)	
	Số tiền anh Minh phải trả sau khi áp dụng cả 2 mức giảm là: $19550000 - 977500 = 18572500$ (đồng)	0.25
	Tổng điểm	5,0

ĐỀ 6	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6 (Thời gian làm bài: 90 phút)
-------------	---

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8 điểm)

A. Trắc nghiệm (2 điểm) – Điểm mỗi câu trả lời đúng là 0,25 điểm

Câu 1. Viết số thập phân $-0,75$ về dạng phân số tối giản ta được

A. $\frac{3}{4}$.

B. $\frac{5}{7}$.

C. $\frac{-3}{4}$.

D. $\frac{-1}{4}$.

Câu 2. Làm tròn số $a = 189,3086$ đến hàng phần trăm ta được số thập phân nào?

A. 189.

B. 189,31.

C. 189,3.

D. 189,30.

Câu 3. Biết $\frac{1}{4}$ của bình nước chứa được 4 lít nước. Hỏi cả bình chứa được bao nhiêu lít nước?

- A. 8 lít. B. 16 lít. C. 64 lít. D. 1,25 lít.

Câu 4. Giá trị của x để $\frac{-2}{x} = \frac{6}{12}$ là

- A. -4 . B. 4 . C. 8 . D. -8 .

Câu 5. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6. Chọn khẳng định đúng



- A. Bưởi là loại quả được yêu thích nhất.
 B. Có 40 học sinh thích quả chuối.
 C. Số học sinh thích cam nhiều hơn số học sinh thích dưa hấu.
 D. Tổng số học sinh thích cam và táo là 70 học sinh.

Câu 6. Cho các số đo góc sau: $165^\circ, 90^\circ, 87^\circ, 101^\circ, 58^\circ, 180^\circ, 5^\circ$. Trong đó có bao nhiêu góc nhọn?

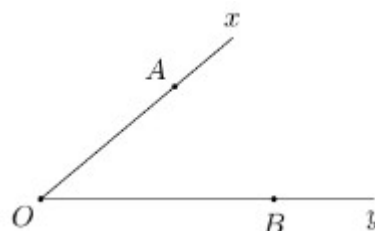
- A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 7. Cho hình vẽ sau. Hai tia đối nhau là



- A. Ax và Bx . B. Ax và Ay . C. Ax và By . D. AB và Ay .

Câu 8. Cho hình vẽ sau. Chọn cách đọc sai.



A. Góc AOB .
BOA

B. Góc yOx .

C. Góc Oxy .

D. Góc

B. Tự luận (6 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm). Thực hiện các phép tính sau (*tính hợp lý nếu có thể*)

a) $\frac{1}{3} + (50\% - 0,25)$

b) $\frac{5}{17} \cdot \frac{-8}{15} + \frac{5}{17} \cdot \frac{-7}{15} + \frac{22}{17}$

c) $82,15 + (-13,7) + 17,85 + (-16,3)$

Bài 2 (1 điểm). Tìm x biết

a) $\frac{2}{3}x - \frac{5}{2} = \frac{-1}{6}$

b) $\frac{1}{3} \cdot \left(x + \frac{2}{3}\right) + \frac{1}{2} = 25\%$

Bài 3 (1,5 điểm). Trong lớp 6A gồm 50 học sinh được phân chia theo môn học yêu thích như sau: Số học sinh yêu thích môn Toán chiếm 30% tổng số học sinh cả lớp. Số học sinh yêu thích môn Toán lại bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh yêu thích môn Văn, còn lại là học sinh yêu thích môn Tiếng Anh.

a) Tính số học sinh yêu thích mỗi môn học trong lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh yêu thích môn Ngữ Văn so với số học sinh cả lớp.

Bài 4 (1,5 điểm). Vẽ đường thẳng xy , lấy điểm O thuộc đường thẳng xy . Trên tia Ox , lấy điểm A sao cho $OA = 3\text{ cm}$. Trên tia Oy , lấy hai điểm M và B sao cho $OM = 1\text{ cm}$; $MB = 4\text{ cm}$.

a) Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng MA .

b) Hỏi điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

c) Vẽ tia Oz sao cho $\widehat{xOz} = 50^\circ$. So sánh số đo $\widehat{xOz}$ và $\widehat{xOy}$.

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = \frac{1}{3^2} + \frac{3}{3^4} + \frac{5}{3^6} + \dots + \frac{99}{3^{100}}$. Chứng minh $A < \frac{5}{32}$.

II. PHẦN RIÊNG (2 điểm) – Thí sinh chỉ làm phần tương ứng với chương trình học

2. 1. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ A)

Bài 6 (1 điểm). Nhân dịp hè, cửa hàng sách có chương trình khuyến mãi. Một cuốn truyện Doraemon bản đặc biệt có giá niêm yết là 120.000 đồng. Nếu mua trong đợt khuyến mãi này, khách hàng sẽ được giảm giá 20%. Hỏi bạn An cần trả bao nhiêu tiền để mua cuốn truyện đó trong đợt khuyến mãi?

Bài 7 (1 điểm). Số bóng đèn bán được trong một tuần của cửa hàng A được ghi lại dưới dạng biểu đồ tranh như sau:

Số bóng đèn bán được trong tuần của cửa hàng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ hai	   
Thứ ba	  
Thứ tư	 
Thứ năm	 
Thứ sáu	   
Thứ bảy	     
Chủ nhật	      
 = 10 bóng đèn;  = 5 bóng đèn	

a) Tính tổng số bóng đèn bán được trong tuần.

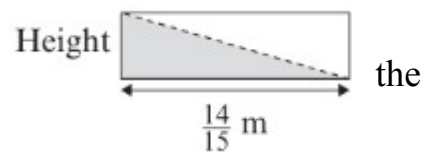
b) Số bóng đèn bán trong ngày thứ Bảy ít hơn ngày Chủ nhật là bao nhiêu chiếc?

2. 2. Theo chương trình hệ T

Write your answers on the answer sheet.

Exercise 1 (1 point) :

The grey triangle has an area of $\frac{1}{5}m^2$. The base length of the triangle is $\frac{14}{15}m$.



Work out the height of the triangle.

Exercise 2 (1 point) :

Minh measures the heights of some learners. The **range** in the height of the learners is $28\frac{1}{4}cm$. The shortest learner is $122\frac{4}{5}cm$. What is the height of the tallest learner?

-----HẾT-----

Học sinh không sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm!

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm, tổng 2 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ 101	C	B	B	A	D	C	B	C

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm) . Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{1}{3} + (50\% - 0,25)$

b) $\frac{5}{17} \cdot \frac{-8}{15} + \frac{5}{17} \cdot \frac{-7}{15} + \frac{22}{17}$

c) $82,15 + (-13,7) + 17,85 + (-16,3)$

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
------	------	--------	----------------

a	0,5	$\frac{1}{3} + (50\% - 0.25)$ $= \frac{1}{3} + (0.50 - 0.25)$ $= \frac{1}{3} + 0.25$ $= \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$ $= \frac{4}{12} + \frac{3}{12}$ $= \frac{7}{12}$	
b	0,5	$\frac{5}{17} \cdot \frac{-8}{15} + \frac{5}{17} \cdot \frac{-7}{15} + \frac{22}{17}$ $= \frac{5}{17} \cdot \left(\frac{-8}{15} + \frac{-7}{15} \right) + \frac{22}{17}$ $= \frac{5}{17} \cdot \left(\frac{-15}{15} \right) + \frac{22}{17}$ $= \frac{5}{17} \cdot (-1) + \frac{22}{17}$ $= \frac{-5}{17} + \frac{22}{17}$ $= \frac{17}{17}$ $= 1$	
c	0,5	$82.15 + (-13.7) + 17.85 + (-16.3)$ $= [82.15 + 17.85] + [(-13.7) + (-16.3)]$ $= 100 + [-(13.7 + 16.3)]$ $= 100 + (-30)$ $= 70$	

Bài 2 (1 điểm) . Tìm x biết

a) $\frac{2}{3}x - \frac{5}{2} = \frac{-1}{6}$ b) $\frac{1}{3} \cdot \left(x + \frac{2}{3} \right) + \frac{1}{2} = 25\%$

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5	<p>a) $\frac{2}{3}x - \frac{5}{2} = \frac{-1}{6}$</p> $\frac{2}{3}x = \frac{-1}{6} + \frac{5}{2}$ $\frac{2}{3}x = \frac{-1}{6} + \frac{15}{6}$ $\frac{2}{3}x = \frac{14}{6}$ $\frac{2}{3}x = \frac{7}{3}$	

		$x = \frac{7}{3} : \frac{2}{3}$ $x = \frac{7}{3} \cdot \frac{3}{2}$ $x = \frac{7}{2}$ $x = \frac{7}{2}$ <p>Vậy, $x = \frac{7}{2}$.</p>	
b	0,5	$\frac{1}{3} \cdot (x + \frac{2}{3}) + \frac{1}{2} = 25\%$ <p>b)</p> $\frac{1}{3} \cdot (x + \frac{2}{3}) + \frac{1}{2} = \frac{1}{4}$ $\frac{1}{3} \cdot (x + \frac{2}{3}) = \frac{1}{4} - \frac{1}{2}$ $\frac{1}{3} \cdot (x + \frac{2}{3}) = -\frac{1}{4}$ $(x + \frac{2}{3}) = -\frac{1}{4} : \frac{1}{3}$ $x + \frac{2}{3} = -\frac{3}{4}$ $x = -\frac{3}{4} - \frac{2}{3}$ $x = -\frac{17}{12}$ $x = -\frac{17}{12}$ <p>Vậy $x = -\frac{17}{12}$</p>	

Bài 3 (1,5 điểm) . Trong lớp 6A gồm 50 học sinh được phân chia theo môn học yêu thích như sau: Số học sinh yêu thích môn Toán chiếm 30% tổng số học sinh cả lớp và bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh yêu thích môn Văn, còn lại là học sinh yêu thích môn Tiếng Anh.

a) Tính số học sinh yêu thích mỗi môn học trong lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh yêu thích môn Ngữ Văn so với số học sinh cả lớp.

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5 0,25 0. 25	<p>Số học sinh yêu thích môn Toán là:</p> $\frac{50 \cdot 30}{100} = 15$ <p>(học sinh)</p> <p>Vì số học sinh yêu thích môn Toán bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh yêu thích môn Văn, nên số học sinh yêu thích môn Văn là:</p>	

		$15 : \frac{5}{6} = 15 \cdot \frac{6}{5} = 18$ (học sinh) Số học sinh yêu thích môn Tiếng Anh là: $50 - (15 + 18) = 50 - 33 = 17$ (học sinh)	
b	0,5	Tỷ số phần trăm của số học sinh yêu thích môn Văn so với số học sinh cả lớp là: $\frac{18.100}{50} \% = 36\%$	

Bài 4 (1,5 Điểm) Vẽ đường thẳng xy , lấy điểm O thuộc đường thẳng xy . Trên tia Ox , lấy điểm A sao cho $OA = 3\text{ cm}$. Trên tia Oy , lấy hai điểm M và B sao cho $OM = 1\text{ cm}; MB = 4\text{ cm}$.

- a) Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng MA .
 b) Hỏi điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?
 c) Vẽ tia Oz sao cho $\angle xOz = 50^\circ$. So sánh số đo $\angle xOz$ và $\angle xOy$.

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
Hình	0,25		
a	0,25	a) Vì O nằm giữa M và A nên $OM + OA = MA$ $1 + 3 = MA$ $MA = 4\text{ cm}$	
b	0,5	b) Ta có M nằm giữa A và B $MA = MB = 4\text{ cm}$ Vậy M là trung điểm của AB	
c	0,5	c) Ta có $\angle xOz = 50^\circ, \angle xOy = 180^\circ \Rightarrow \angle xOz < \angle xOy$	

Bài 5 (0,5 Điểm) Cho $A = \frac{1}{3^2} + \frac{3}{3^4} + \frac{5}{3^6} + \dots + \frac{99}{3^{100}}$. Chứng minh $A < \frac{5}{32}$.

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	0,5	$A = \frac{1}{3^2} + \frac{3}{3^4} + \frac{5}{3^6} + \dots + \frac{99}{3^{100}}$ $3^2 A = 1 + \frac{3}{3^2} + \frac{5}{3^4} + \frac{7}{3^6} + \dots + \frac{99}{3^{98}}$	

		$9A - A = 1 + 2 \left(\frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^4} + \dots + \frac{1}{3^{98}} \right) - \frac{99}{3^{100}}$ $\Rightarrow 8A < 1 + 2 \left(\frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^4} + \dots + \frac{1}{3^{98}} \right)$ $S = \frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^4} + \dots + \frac{1}{3^{98}} \Rightarrow 3^2 S = 1 + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^4} + \dots + \frac{1}{3^{96}}$ $\Rightarrow 8S = 1 - \frac{1}{3^{98}} \Rightarrow S < \frac{1}{8}$ $\Rightarrow 8A < 1 + 2 \cdot \frac{1}{8} \Rightarrow A < \frac{5}{32}$	
--	--	--	--

II. PHẦN RIÊNG

2. 1. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ A)

Bài 6 (1,0 điểm) . Nhân dịp hè, cửa hàng sách có chương trình khuyến mãi. Một cuốn truyện Doraemon có giá niêm yết là 120000 đồng. Nếu mua trong đợt khuyến mãi này, khách hàng sẽ được giảm giá 20%. Hỏi bạn An cần trả bao nhiêu tiền để mua cuốn truyện đó trong đợt khuyến mãi?

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	1	Số tiền được giảm là: $120000 \cdot 20\% = 24000$ (đồng) Số tiền An cần trả là: $120000 - 24000 = 96000$ (đồng)	

Bài 7 (1,0 điểm) . Số bóng đèn bán được trong một tuần của cửa hàng A được ghi lại dưới dạng biểu đồ tranh như sau:

Số bóng đèn bán được trong tuần của cửa hàng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ hai	
Thứ ba	
Thứ tư	
Thứ năm	
Thứ sáu	
Thứ bảy	
Chủ nhật	
 = 10 bóng đèn;  = 5 bóng đèn	

- Tính tổng số bóng đèn bán được trong tuần.
- Số bóng đèn bán trong ngày thứ Bảy ít hơn ngày Chủ nhật là bao nhiêu chiếc?

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
------	------	--------	----------------

a	0,5	Tổng số bóng đèn bán được trong tuần là $40 + 25 + 20 = 20 + 35 + 60 + 80 = 280$ (chiếc)	
b	0,5	Số bóng đèn bán trong ngày thứ Bảy ít hơn ngày Chủ nhật là $80 - 60 = 20$ (chiếc) .	

2. 2. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ T)

Exercise 1 (1 point) :

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	1	Exercise 1 (1 point) : The height of the triangle is: $2 \times \frac{1}{5} \div \frac{14}{15} = \frac{3}{7}(m)$.	

Exercise 2 (1 point) :

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	1	Exercise 1 (1 point) : The height of the triangle is: $2 \times \frac{1}{5} \div \frac{14}{15} = \frac{3}{7}(m)$.	

----- HẾT -----

ĐỀ 7	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6 <i>(Thời gian làm bài: 90 phút)</i>
-------------	--

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm) . Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Điểm N thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là:

- A.** $N \notin a$. **B.** $N \subset a$. **C.** $N \in a$. **D.** $N = a$.

Câu 2. Nếu P là trung điểm của đoạn thẳng MN thì P nằm giữa hai điểm M, N và:

- A.** $PM = NM$ **B.** $PN = MN$ **C.** $PM = PN$ **D.** $PM > PN$

Câu 3. Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

- A.** 6 **B.** 3^{65° . **C.** 0^{56° . **D.** 60° . 1

Câu 4. Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 20 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 5 lần lấy được thẻ đánh số 4. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 4 là:

- A. 3,5 cm. B. $\frac{1}{5}$ C. 14 cm. D. 5 cm.

Câu 5. Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\{N; N\}$ C. $\{S; N\}$ D. 14 cm.

Câu 6. Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là:

- A. $\frac{4}{7}$ B. 4. C. 2. D. $\frac{7}{4}$

Câu 7. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là:

- A. $\frac{-3}{2,5}$ B. $\frac{3,12}{2,4}$ C. $\frac{2}{-3}$ D. $\frac{2}{0}$

Câu 8. Số đối của 3,14 là:

- A. -1,34 B. -3,14 C. 3,14 D. -4,13

Câu 9. Viết phân số $\frac{-2025}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

- A. -202,5 B. -22,05 C. 2,025 D. -20,25

Câu 10. Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{-1}{5}$ C. $\frac{-1}{5}$ D. $\frac{3}{20}$

Câu 11. Nếu tung đồng xu 10 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt N. Khi đó xác suất thực nghiệm của mặt S là:

- A. $\frac{3}{5}$. B. $\frac{2}{5}$. C. 3. D. 9.

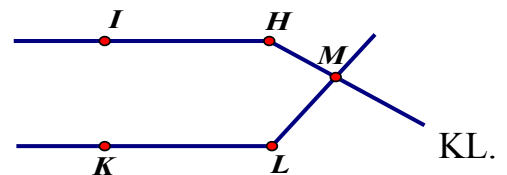
Câu 12. Làm tròn số $a = 131,2956$ đến chữ số thập phân thứ hai

- A. 131,29 B. 131,28 C. 131,20 D. $MP < MN < NP$.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Cho hình vẽ bên. Hãy chọn đúng hoặc sai ở mỗi câu sau

- ☐ a) Đường thẳng HM và LM cắt nhau tại M.
☐ b) Đường thẳng LM và KL cắt nhau tại L.
☐ c) Đường thẳng IH song song với đường thẳng
☐ d) Đường thẳng IH và KL cắt nhau tại M.



Câu 14. Chọn đúng hoặc sai ở mỗi câu sau:

- ☐ a) Phân số lớn hơn $\frac{2}{5}$ nhưng bé hơn $\frac{3}{5}$, phân số đó là $\frac{15}{25}$
☐ b) Nếu $b > 0$ và $\frac{b}{4} = \frac{4}{b}$ thì b bằng 16
☐ c) Hiệu của hai số thập phân âm là một số thập phân âm



d) Tổng của hai số thập phân âm là một số thập phân âm

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm) . Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Biết $27,9 - x = 35,18$. Giá trị của x là

Đáp án:

Câu 16. Một tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là 7,7cm; 4,8cm; 1,02dm. Chu vi của tam giác đó là

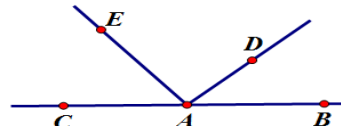
Đáp án:

Câu 17. Kết quả của phép cộng $(-18,2) + (-0,21)$ là:

Đáp án:

Câu 18. Hình bên có tất cả bao nhiêu góc?

Đáp án:



B. Tự luận (3 điểm) . Thí sinh làm bài từ câu 19 đến câu 21.

Câu 19: (1,0 điểm) Khối 6 của một trường THCS có 200 học sinh tham gia xếp hình lá cờ tổ quốc để chào mừng 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Học sinh tham gia với 2 loại đồng phục là màu đỏ và màu vàng. Biết số học sinh có đồng phục màu vàng chiếm $\frac{1}{4}$ so với số học sinh có đồng phục màu đỏ. Tính số học sinh có đồng phục màu vàng và tính tỉ số phần trăm số học sinh có đồng phục màu đỏ so với học sinh khối 6?

Câu 20: (1,0 điểm) Trên tia Ox lấy điểm M và điểm N sao cho OM = 3 cm, ON = 6 cm. Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox. Vẽ tia Oz sao cho góc $\widehat{xOz}$ bằng 85° .

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN?

b) Tính số đo của góc $\widehat{yOz}$.

Câu 21: (1,0 điểm) Tìm tất cả các phân số có tử số bằng 9, lớn hơn $\frac{-3}{5}$ và nhỏ hơn $\frac{-4}{9}$.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (3 điểm) (mỗi câu đúng ghi 0. 25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	A	A	C	D	C	B	A	B	B	D

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2 điểm) (mỗi câu đúng ghi 0. 25đ)

Câu 13. a) Đ

b) Đ

c) Đ

d) S

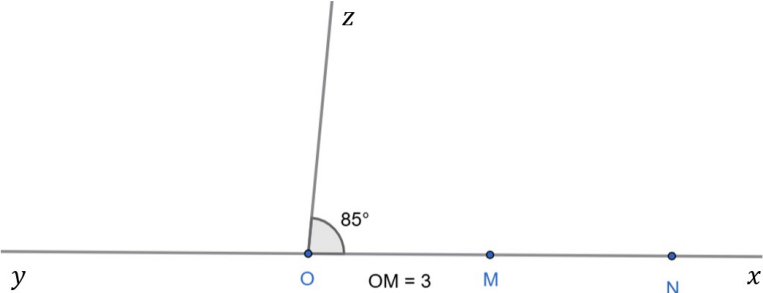
Câu 14. a) S

b) S

c) S

d) Đ

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (2 điểm) (mỗi câu đúng ghi 0.5đ)**Câu 15:** 4**Câu 16:** 100**Câu 17:** $\frac{1}{2}$ **Câu 18:** 2025**B. TỰ LUẬN: (đáp án chung cho cả hai đề)**

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
19	Số học sinh có đồng phục màu vàng: $200:(1+4) \cdot 1=40$ (học sinh)	0.5
	Tỉ số phần trăm số học sinh có đồng phục màu đỏ so với học sinh khối 6: $\frac{200-40}{200} \cdot 100\% = 80\%$	0.5
20		0,25
	a) Trên tia Ox, ta có $OM = 3 \text{ cm} < ON = 6 \text{ cm}$ nên M nằm giữa O và N. Khi đó: $OM + MN = ON$ $MN = 3 \text{ cm}$	0,25
	b) Ox, Oy là 2 tia đối nhau nên $\widehat{xOy} = 180^\circ$. Khi đó: $\widehat{yOz} = \widehat{xOy} - \widehat{xOz} = 180^\circ - 85^\circ = 95^\circ$.	0.25
21	Gọi phân số thỏa yêu cầu là $\frac{9}{x}$ (x là số nguyên khác 0).	0.25
	Ta có: $\frac{-3}{5} < \frac{9}{x} < \frac{-4}{9}$ nên suy ra $\frac{-36}{60} < \frac{36}{4x} < \frac{-36}{81}$	0.25
	Suy ra: $-81 < 4x < -60$	0.25
	Suy ra: $-20,25 < x < -15$, mà x là số nguyên khác 0	
	Suy ra: x thuộc $\{-16; -17; -18; -19; -20\}$	0.25
	Vậy các phân số cần tìm là: $\frac{9}{-16}; \frac{9}{-17}; \frac{9}{-18}; \frac{9}{-19}; \frac{9}{-20}$	

ĐỀ 8**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TOÁN 6***(Thời gian làm bài: 90 phút)*

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)**Chọn câu trả lời đúng và ghi vào bài làm****Câu 1.** Trong các chữ cái sau, chữ cái nào không có tâm đối xứng?

A. X

B. O

C. I

D. F

Câu 2. Cặp phân số không bằng nhau là:A. $\frac{-6}{5}$ và $\frac{6}{-5}$
 $\frac{-4}{5}$ B. $\frac{2}{3}$ và $\frac{-4}{-6}$ C. $\frac{-3}{4}$ và $\frac{-9}{-12}$ D. $-\frac{4}{5}$ và**Câu 3.** Trong hộp có 1 cây bút xanh, 1 cây bút đỏ, 1 cây bút chì. Lấy ngẫu nhiên 2 cây bút từ hộp. Hỏi trong các sự kiện sau, sự kiện nào có thể xảy ra?

A. 2 cây bút cùng màu

B. Có 1 cây màu đỏ

C. 2 cây bút khác màu

D. Có 1 cây bút tím

Câu 4. Chọn đáp án đúng:A. $-7,41 > -7,5$ B. $7,41 > 7,5$ C. $-14,7 < -71,4$ D. $2,13$ $< -3,12$ **Câu 5.** Cho hình vẽ. Bộ 3 điểm thẳng hàng là:

A. Ba điểm M, N, D

điểm N, O, a

C. Ba điểm N, a, M

B. Ba

D. Ba điểm M, O, N

Câu 6. Số $-0,35$ được biểu diễn dưới dạng phân số là:A. $\frac{-7}{-20}$
 $\frac{-35}{100}$ B. $\frac{-35}{10}$ C. $\frac{-7}{20}$

D.

Câu 7. Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là đúng?A. góc yAx là góc vuông
tù

B. góc yAz là góc

C. góc xAz là góc nhọn

D. góc xAy là góc bẹt

Câu 8. Có bao nhiêu số thập phân có 1 chữ số sau dấu phẩy thỏa: $5,2 < x < 5,8$?

A. 5

B. 6

C. 4

D. 3

Câu 9. Làm tròn số 69,283 đến hàng phần trăm ta được:

A. 69,28

B. 69,284

C. 69,30

D. 69,29

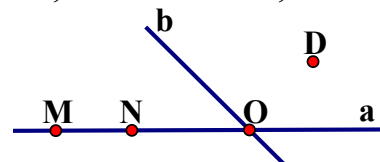
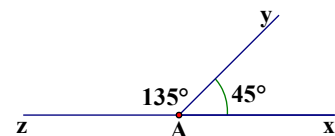
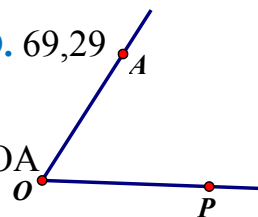
Câu 10. Cho $\widehat{AOP}$ như hình vẽ. Khẳng định sai là:

A. Góc AOP có đỉnh là O

B. Góc AOP có 2 cạnh là PO và OA

C. Góc AOP là góc nhọn

D. Góc AOP có 2 cạnh là OP và OA

Câu 11. Một xạ thủ bắn 50 mũi tên vào một tấm bia thì được 35 lần trúng tâm bia. Xác

suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn không trúng tâm bia là:

A. $\frac{35}{100}$

B. $\frac{35}{50}$

C. $\frac{3}{10}$

D. $\frac{7}{10}$

Câu 12. Phân số $\frac{231}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,231

B. 2,13

C. 23,1

D. 2,31

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) a) Đổi hỗn số $-5\frac{7}{20}$ sang phân số.

b) Viết phân số $-\frac{1677}{200}$ dưới dạng hỗn số.

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính hợp lý:

a) $86,07 - (-13,93) + 0,5612$

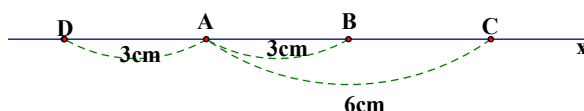
b) $35\% \cdot \frac{2}{7} + 1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{4} - 0,5 \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $3 \cdot (x - 1,5) = 132,45$

b) $\left(3x - \frac{7}{6}\right) : (-3) = \frac{-2}{5}$

Bài 4: (1,0 điểm) Cho hình vẽ:



a) Hãy kể tên các đoạn thẳng có một đầu mút là B.

b) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng nào?

Bài 5: (1,0 điểm) Xác định tên, đỉnh, cạnh và loại góc của góc dưới đây.

Hình vẽ	Tên góc	Đỉnh	Cạnh	Loại góc

Bài 6: (1 điểm) Cô giáo ghi lại điểm số bài Kiểm tra thường xuyên môn Toán của 30 bạn học sinh lớp 6A. Kết quả cho ở bảng sau:

10	4	3	5	6	8
8	7	9	10	10	10
5	9	9	7	8	4
10	6	7	8	3	5
9	6	8	8	9	10

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Học sinh làm bài có điểm dưới 5.

b) Học sinh làm bài có điểm 10.

Bài 7: (0,5 điểm) Một cửa hàng tạp hóa nhập về một thùng Coca với giá gốc từ đại lý là 192 000 đồng/thùng. Sau đó bán lẻ hết cho khách hàng với giá 10 000 đồng/lon.

a) Hỏi cửa hàng lãi bao nhiêu phần trăm so với giá gốc? Biết một thùng Coca có 24 lon.

b) Để có lãi 50% thì cửa hàng cần bán lẻ cho khách hàng với giá bao nhiêu tiền một lon?

---HẾT---

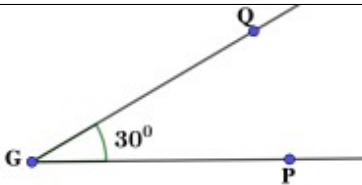
HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. D	2. C	3. B	4. A	5. D	6. C
7. B	8. A	9. A	10. B	11. C	12. D

II. Tự luận

Bài	Điểm
<p>Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)</p> <p>Bài 1: (0,5 điểm)</p> <p>a) $-5\frac{7}{20} = \frac{-107}{20}$</p> <p>b) $\frac{1677}{-200} = -8\frac{77}{200}$</p> <p>Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính hợp lý.</p> <p>b) $35\% \cdot \frac{2}{7} + 1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{4} - 0,5 \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$</p> $= \frac{7}{20} \cdot \frac{2}{7} + \frac{12}{7} \cdot \frac{1}{4} - \frac{1}{2} \cdot \frac{1}{4}$ $= \frac{1}{10} + \frac{3}{7} - \frac{1}{8}$ $= \frac{37}{70} - \frac{1}{8} = \frac{113}{280}$ <p>a) $86,07 - (-13,93) + 0,5612$</p> $= 100 + 0,5612$ $= 100,5612$ <p>Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:</p> <p>a) $3.(x - 1,5) = 132,45$</p> $x - 1,5 = 132,45 : 3 = 44,15$ $x = 44,15 + 1,5 = 45,65$ <p>b) $\left(3x - \frac{7}{6}\right) : (-3) = \frac{-2}{5}$</p> $3x - \frac{7}{6} = \frac{-2}{5} \cdot (-3) = \frac{6}{5}$ $3x = \frac{6}{5} + \frac{7}{6} = \frac{71}{30}$ $x = \frac{71}{30} : 3 = \frac{71}{90}$ <p>Bài 4: (1,0 điểm)</p> <p>a) Các đoạn thẳng có 1 đầu mút là B: BD, BA, BC</p> <p>b) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.</p>	<p>Mỗi dấu bằng đúng được 0,5</p> <p>Mỗi dấu bằng đúng được 0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

Bài 5: (1,0 điểm)									Mỗi ý được 0,25
Hình vẽ			Tên góc	Đỉnh	Cạnh	Loại góc			0,5
			$\widehat{QGP}$	G	GQ, GP	Góc nhọn			
Bài 6: (1,0 điểm)									
Điểm số	3	4	5	6	7	8	9	10	
Số học sinh	2	2	3	3	3	6	5	6	
a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện học sinh làm bài có điểm dưới 5: $\frac{2+2}{30} = \frac{4}{30} = \frac{2}{15}$									
b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện học sinh làm bài có điểm 10: $\frac{6}{30} = \frac{1}{5}$									Mỗi ý được 0,25
Bài 7:									
a) % tiền lãi so với giá gốc: $(24 \cdot 10\,000 - 192\,000) : 192\,000 \cdot 100\% = 25\%$									0,5 0,5
b) Giá tiền 1 lon nước nếu muốn lãi 50% là: $(192\,000 : 24) \cdot (100\% + 50\%) = 12\,000$ (đồng)									0,25
									0,25

ĐỀ 9	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6 <i>(Thời gian làm bài: 90 phút)</i>
-------------	--

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Chọn câu trả lời đúng và ghi vào bài làm

Câu 1. Trong các chữ cái sau, chữ cái nào không có tâm đối xứng?

A. X

B. O

C. I

D. F

Câu 2. Cặp phân số không bằng nhau là:

A. $\frac{-6}{5}$ và $\frac{6}{-5}$

B. $\frac{2}{3}$ và $\frac{-4}{-6}$

C. $\frac{-3}{4}$ và $\frac{-9}{-12}$

D. $-\frac{4}{5}$ và $\frac{-4}{5}$

$\frac{-4}{5}$

Câu 3. Trong hộp có 1 cây bút xanh, 1 cây bút đỏ, 1 cây bút chì. Lấy ngẫu nhiên 2 cây bút từ hộp. Hỏi trong các sự kiện sau, sự kiện nào có thể **xảy ra**?

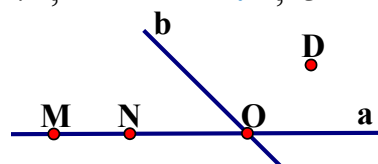
- A. 2 cây bút cùng màu
B. Có 1 cây màu đỏ
C. 2 cây bút khác màu
D. Có 1 cây bút tím

Câu 4. Chọn đáp án đúng:

- A. $-7,41 > -7,5$
B. $7,41 > 7,5$
C. $-14,7 < -71,4$
D. $2,13 < -3,12$

Câu 5. Cho hình vẽ. Bộ 3 điểm thẳng hàng là:

- A. Ba điểm M, N, D
B. Ba điểm M, N, O
C. Ba điểm N, O, a
D. Ba điểm M, O, N

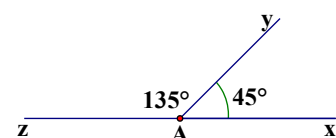


Câu 6. Số $-0,35$ được biểu diễn dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{-7}{-20}$
B. $\frac{-35}{10}$
C. $\frac{-7}{20}$
D. $\frac{-35}{100}$

Câu 7. Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. góc yAx là góc vuông
B. góc yAz là góc tù
C. góc xAz là góc nhọn
D. góc xAy là góc bẹt



Câu 8. Có bao nhiêu số thập phân có 1 chữ số sau dấu phẩy thỏa: $5,2 < x < 5,8$?

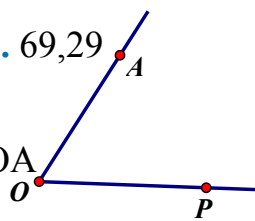
- A. 5
B. 6
C. 4
D. 3

Câu 9. Làm tròn số 69,283 đến hàng phần trăm ta được:

- A. 69,28
B. 69,284
C. 69,30
D. 69,29

Câu 10. Cho $\widehat{AOP}$ như hình vẽ. Khẳng định sai là:

- A. Góc AOP có đỉnh là O
B. Góc AOP có 2 cạnh là PO và OA
C. Góc AOP là góc nhọn
D. Góc AOP có 2 cạnh là OP và OA



Câu 11. Một xạ thủ bắn 50 mũi tên vào một tấm bia thì được 35 lần trúng tấm bia. Xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn không trúng tấm bia là:

- A. $\frac{35}{100}$
B. $\frac{35}{50}$
C. $\frac{3}{10}$
D. $\frac{7}{10}$

Câu 12. Phân số $\frac{231}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,231
B. 2,13
C. 23,1
D. 2,31

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) a) Đổi hỗn số $-5\frac{7}{20}$ sang phân số.

b) Viết phân số $\frac{1677}{-200}$ dưới dạng hỗn số.

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính hợp lý:

a) $86,07 - (-13,93) + 0,5612$

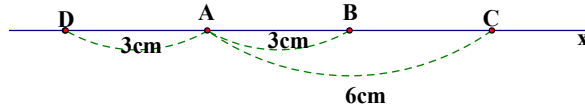
b) $35\% \cdot \frac{2}{7} + 1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{4} - 0,5 \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $3 \cdot (x - 1,5) = 132,45$

b) $\left(3x - \frac{7}{6}\right) : (-3) = \frac{-2}{5}$

Bài 4: (1,0 điểm) Cho hình vẽ:



a) Hãy kể tên các đoạn thẳng có một đầu mút là B.

b) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng nào?

Bài 5: (1,0 điểm) Xác định tên, đỉnh, cạnh và loại góc của góc dưới đây.

Hình vẽ	Tên góc	Đỉnh	Cạnh	Loại góc

Bài 6: (1 điểm) Cô giáo ghi lại điểm số bài Kiểm tra thường xuyên môn Toán của 30 bạn học sinh lớp 6A. Kết quả cho ở bảng sau:

10	4	3	5	6	8
8	7	9	10	10	10
5	9	9	7	8	4
10	6	7	8	3	5
9	6	8	8	9	10

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Học sinh làm bài có điểm dưới 5.

b) Học sinh làm bài có điểm 10.

Bài 7: (0,5 điểm) Một cửa hàng tạp hóa nhập về một thùng Coca với giá gốc từ đại lý là 192 000 đồng/thùng. Sau đó bán lẻ hết cho khách hàng với giá 10 000 đồng/lon.

a) Hỏi cửa hàng lãi bao nhiêu phần trăm so với giá gốc? Biết một thùng Coca có 24 lon.

b) Để có lãi 50% thì cửa hàng cần bán lẻ cho khách hàng với giá bao nhiêu tiền một lon?

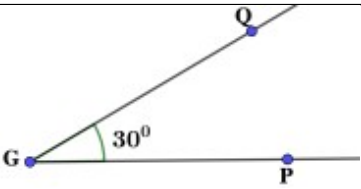
---HẾT---

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. D	2. C	3. B	4. A	5. D	6. C
------	------	------	------	------	------

Bài	Điểm
Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)	
Bài 1: (0,5 điểm)	Mỗi dấu bằng đúng được 0,5
a) $-5\frac{7}{20} = \frac{-107}{20}$	
b) $\frac{1677}{-200} = -8\frac{77}{200}$	
Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính hợp lý.	Mỗi dấu bằng đúng được 0,25
a) $86,07 - (-13,93) + 0,5612$	
= $100 + 0,5612$	
= $100,5612$	
b) $35\% \cdot \frac{2}{7} + 1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{4} - 0,5 \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2$	
= $\frac{7}{20} \cdot \frac{2}{7} + \frac{12}{7} \cdot \frac{1}{4} - \frac{1}{2} \cdot \frac{1}{4}$	
= $\frac{1}{10} + \frac{3}{7} - \frac{1}{8}$	
= $\frac{37}{70} - \frac{1}{8} = \frac{113}{280}$	
Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:	
a) $3.(x - 1,5) = 132,45$	
x - 1,5 = $132,45 : 3 = 44,15$	
x = $44,15 + 1,5 = 45,65$	
b) $\left(3x - \frac{7}{6}\right) : (-3) = \frac{-2}{5}$	0,25
$3x - \frac{7}{6} = \frac{-2}{5}.(-3) = \frac{6}{5}$	0,25
$3x = \frac{6}{5} + \frac{7}{6} = \frac{71}{30}$	0,5
$x = \frac{71}{30} : 3 = \frac{71}{90}$	0,25
Bài 4: (1,0 điểm)	0,25
a) Các đoạn thẳng có 1 đầu mút là B: BD, BA, BC	
b) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.	
	Mỗi ý được 0,25
	0,5
Bài 5: (1,0 điểm)	

Hình vẽ	Tên góc	Đỉnh	Cạnh	Loại góc
	$\widehat{QGP}$	G	GQ, GP	Góc nhọn

Bài 6: (1,0 điểm)

Điểm số	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	2	2	3	3	3	6	5	6

a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện học sinh làm bài có điểm dưới 5:
 $\frac{2+2}{30} = \frac{4}{30} = \frac{2}{15}$

b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện học sinh làm bài có điểm 10:
 $\frac{6}{30} = \frac{1}{5}$

Bài 7:

c) % tiền lãi so với giá gốc: $(24 \cdot 10\,000 - 192\,000) : 192\,000 \cdot 100\% = 25\%$

d) Giá tiền 1 lon nước nếu muốn lãi 50% là:
 $(192\,000 : 24) \cdot (100\% + 50\%) = 12\,000$ (đồng)

Mỗi ý được 0,25

0,5

0,5

0,25

0,25

ĐỀ 10**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TOÁN 6***(Thời gian làm bài: 90 phút)***I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN (5 điểm) :***Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***Câu 1:** Chọn đáp án “đúng”

- A. $\frac{1}{2} = \frac{-3}{6}$. B. $\frac{4}{7} = \frac{-4}{-7}$. C. $\frac{-2}{3} = \frac{-4}{-6}$. D. $\frac{4}{3} = \frac{12}{-9}$.

Câu 2: Phân số $\frac{-12}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân ?

- A. 1,2 B. 2,1 C. -2,1 D. -1,2

Câu 3. Kết quả phép tính: $21,5 - (-1,245)$ là:

- A. 20,255 B. 22,745 C. -20,255 D. 20,265

$$(11,235 + 2,5) - (2,5 - 7,253)$$

Câu 4. Thực hiện phép tính rồi làm tròn kết quả đến hàng phần 10, ta được kết quả là:

- A. 18,5 B. 18 C. 18,4 D. 18,48

Câu 5. Trong số thập phân 8,91 chữ số 9 ở hàng nào?

- A. Hàng phần mười B. Hàng phần trăm C. Hàng đơn vị D. Hàng chục

$$a = 241,1975$$

Câu 6. Làm tròn số đến chữ số hàng phần trăm ta được số thập phân nào sau đây?

- A. 241,19. B. 241,1. C. 241,20. D. 241.

Câu 7. Có người ở lễ hội ẩm thực. Hỏi lễ hội khoảng bao nhiêu nghìn người ?

- A. 22000 người B. 21900 người
C. 21000 người D. 21200 người

Câu 8: Trong hình vẽ sau, khẳng định nào sau đây là **không** đúng?



- A. Hai tia FE và tia FD đối nhau. B. Ba điểm E, F, D thẳng hàng.
C. Hình vẽ trên có hai đoạn thẳng. D. Điểm F nằm giữa hai điểm E và D .

Câu 9. Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. Một điểm có thể thuộc đồng thời nhiều đường thẳng.
B. Với một đường thẳng a cho trước, có những điểm thuộc a và có những điểm không thuộc a .
C. Hai đường thẳng cắt nhau thì có một điểm chung.
D. Có vô số đường thẳng đi qua hai điểm cho trước.

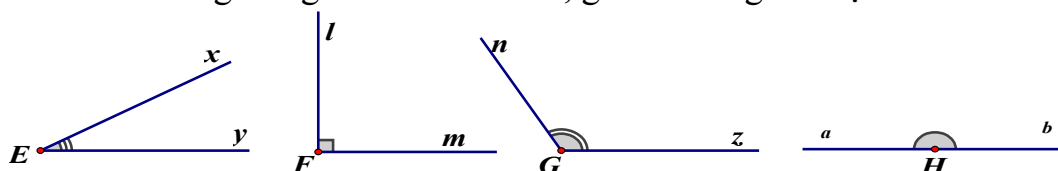
Câu 10 : Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. Góc vuông là góc có số đo bằng 90° .
B. Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc nhọn.
C. Góc có số đo nhỏ hơn 180° là góc tù.
D. Góc có số đo bằng 180° là góc bẹt.

Câu 11. Cho $\triangle ABC$ Đỉnh và các cạnh của góc là

- A. đỉnh là C , các cạnh là AC, BC . B. đỉnh là B , các cạnh là BA, BC .
C. đỉnh là A , các cạnh là AB, AC . D. Đỉnh là A , các cạnh là AB, BC .

Câu 12. Trong các góc ở hình vẽ sau, góc nào là góc nhọn ?



A. xEy

B. mFl

C. nGz

D. aHb

Câu 13. Kết quả của phép tính: $\frac{9}{11} - \left(\frac{1}{11} + \frac{9}{11} \right) =$

A. $\frac{-1}{11}$

B. $\frac{1}{11}$

C. $\frac{9}{11}$

D. $\frac{-9}{11}$

Câu 14. Cờ đồ theo dõi ghi lại tổng số học sinh đi muộn trong tuần qua của khối 6 là 21 bạn. Hỏi số học sinh đi học muộn của lớp 6B là bao nhiêu bạn?

Lớp	6A	6B	6C	6D	6E
Số HS đi muộn	3	?	2	5	7

A. 16.

B. 5.

C. 4.

D. 7.

Câu 15. Dữ liệu nào sau đây là dữ liệu số.

A. Bảng danh sách các bạn đạt học sinh Giỏi của khối 6.

B. Tên các tỉnh phía Bắc.

C. Tên các lớp trong trường.

D. Chiều cao trung bình của các bạn trong lớp 6B.

Câu 16. Khẳng định **Sai** trong các khẳng định sau là

A. $\frac{-3}{15} < \frac{-2}{15}$

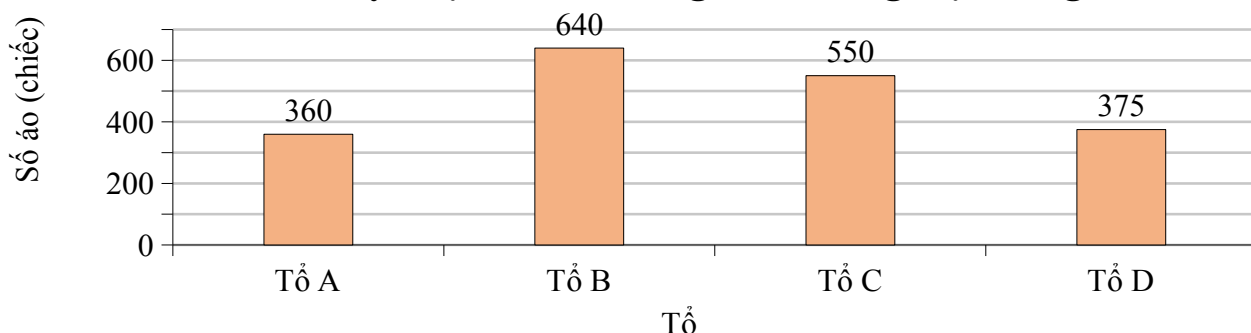
B. $\frac{-4}{-9} > 0$

C. $\frac{11}{13} < \frac{11}{15}$

D. $\frac{13}{29} > \frac{10}{29}$

Câu 17. Biểu đồ dưới đây nói về số chiếc áo bốn tổ công nhân may được trong một tháng. Quan sát biểu đồ trên và cho biết tổ B may nhiều hơn tổ A bao nhiêu chiếc áo?

Số áo may được của 4 tổ công nhân trong một tháng



A. 550 chiếc áo

B. 910 chiếc áo

C. 280 chiếc áo.

D. 190 chiếc

Câu 18. Tỷ số phần trăm của 5 và 20 là

A. 20%.

B. 25%.

C. 50%.

D. 30%.

Câu 19. Cầu bập bênh rất quen thuộc với mỗi chúng ta. Để trụ ở chính giữa hai đầu cầu:



Hai bạn Bình và An muốn đo độ dài của cầu bập bênh mà trên tay chỉ có cuộn thước dây dài $3m$. Bình dự tính sẽ phải đo nhiều lần rồi cộng lại, nhưng khi Bình đo được từ trụ cầu tới một đầu cầu là $2,8m$. An đã đọc chính xác chiều dài của cây cầu. Theo em cây cầu bập bênh có độ dài là

- A. $3m$. B. $5,6m$. C. $6m$. D. $2,8m$.

Câu 20. Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho $OA = 4cm, OB = 12cm$. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của đoạn thẳng OA và AB . Khi đó độ dài đoạn thẳng MN bằng:

- A. $7cm$. B. $3,5cm$. C. $8,5cm$. D. $6cm$.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 điểm) :

Với mỗi ý a) b) c) d) ở các câu sau, em hãy chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 21. Một cửa Hàng bán gạo trong 3 ngày hết 240 tạ gạo. Ngày thứ nhất của hàng bán được $\frac{2}{3}$ tổng số gạo đã bán trong ba ngày. Ngày thứ hai bán được số gạo bằng 30% lượng gạo ngày thứ nhất.

- a) Ngày thứ nhất của hàng bán được 160 tạ gạo.
b) Ngày thứ hai của hàng bán được 50 tạ gạo.
c) Ngày thứ ba của hàng bán được 30 tạ gạo.
d) Số tạ gạo của hàng bán được trong ngày thứ ba bằng 20% so với ngày thứ nhất

Câu 22. Cho bảng thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 6C như sau:

Xếp loại học lực	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	7	12	17	4

- a) Lớp 6C có tổng số 40 học sinh.
b) Số học sinh xếp loại từ Đạt trở lên là 19 học sinh.
c) Số học sinh xếp loại Tốt đạt 17,5% so với cả lớp.
d) Tỉ số giữa học sinh xếp loại Đạt trở lên với số học sinh cả lớp là $\frac{9}{10}$.

III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 23. (1,0 điểm) : Thực hiện phép tính(tính hợp lý nếu có thể) :

$$a) \frac{-7}{3} + \frac{11}{5} \cdot \frac{5}{33}$$

$$b) 17,13 \cdot (2,808 : 0,45) - 6,24 \cdot 7,13$$

$$(4,5 - 2x) \cdot 1\frac{2}{5} = \frac{12}{5}$$

Câu 24. (0,5 điểm) : Tìm x biết

Câu 25. (1 điểm) . Cho điểm A trên tia Ox sao cho $OA = 4cm$. Gọi B là điểm trên tia đối của tia Ox và cách O một khoảng bằng 6cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .
b) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Tính độ dài đoạn thẳng AI và OI .

Câu 26(0,5 điểm) : Tìm x biết : $\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{10}\right) \cdot x = \left(\frac{1}{9} + \frac{2}{8} + \frac{3}{7} + \dots + \frac{9}{1}\right)$

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁNH QUAN (7,0 điểm) .

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ. án	B	D	B	A	A	C	A	C	D	C	B	A	A	C	D	C	C	B	B	D

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Ý	A	B	C	D
Câu 21	Đ	S	S	Đ
Câu 22	Đ	S	Đ	Đ

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm) .

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 23 (1đ)	$a) \frac{-7}{3} + \frac{11}{5} \cdot \frac{5}{33} = \frac{-7}{3} + \frac{1}{3}$	0,25
	$= \frac{-6}{3} = -2$	0,25
	$b) 17,13 \cdot (2,808 : 0,45) - 6,24 \cdot 7,13$	0,25
	$= 17,13 \cdot 6,24 - 6,24 \cdot 7,13$ $= 6,24(17,13 - 7,13)$ $= 6,24 \cdot 10 = 62,4$	0,25
Câu 24 (0,5đ)	$(4,5 - 2x) \cdot 1 \frac{2}{5} = \frac{12}{5}$ $(4,5 - 2x) = \frac{12}{5} : \frac{6}{5}$ $4,5 - 2x = 2$ $2x = 4,5 - 2$ $2x = 2,5$ $x = 1,25$	0,25
Câu 25 (1đ)		
	a. Vì B là điểm trên tia đối của tia Ox nên ta có O nằm giữa A, B Ta có: $AB = OA + OB$ mà $OA = 4\text{cm}$; $OB = 6\text{cm}$	0,25
		0,25

Câu 26 (0,5đ)	nên $AB = 4 + 6 = 10$ (cm)	
	b. Vì I là trung điểm của đoạn AB nên ta có : $IA = IB = AB : 2 = 10 : 2 = 5$ (cm) Ta có : O nằm giữa A và I nên $OI + OA = IA$ mà $IA = 5$ cm; $OA = 4$ (cm) $OI = IA - OA = 5 - 4 = 1$ (cm) .	0,25 0,25
	Tìm x biết: $\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{10}\right) \cdot x = \left(\frac{1}{9} + \frac{2}{8} + \frac{3}{7} + \dots + \frac{9}{1}\right)$	
	$Ta có VP = \frac{1}{9} + \frac{2}{8} + \frac{3}{7} + \dots + \frac{9}{1}$ $= \left(\frac{1}{9} + 1\right) + \left(\frac{2}{8} + 1\right) + \left(\frac{3}{7} + 1\right) + \dots + \left(\frac{8}{2} + 1\right) + \frac{10}{10}$ $= \frac{10}{10} + \frac{10}{9} + \frac{10}{8} + \frac{10}{7} + \dots + \frac{10}{2}$ $= 10 \cdot \left(\frac{1}{10} + \frac{1}{9} + \frac{1}{8} + \dots + \frac{1}{2}\right)$	0,25
	$\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{10}\right) \cdot x = 10 \cdot \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{10}\right)$ Vậy $x = 10$	0,25